

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

--- ** ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- ** -----

Bản án số: 256/2026/DS-ST

Ngày 24.4.2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị C** và ông **Phạm Xoa**

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Minh T1** - Cán bộ T2 án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng, địa chỉ C L, phường H, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2025/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Nhung E**, sinh năm 1962. Địa chỉ: P, Nhà E, chung cư A Nam Cầu C, phường H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: P, Nhà E, chung cư A Nam Cầu C, phường H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 07/5/2025 nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Nhung E trình bày: Bà yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Mỹ H phải trả cho bà số tiền 144.000.000 đồng. Trong đó khoản tiền bà H nợ biểu là 99.000.000 đồng, tiền bà H mượn là 45.000.000 đồng, bà không yêu cầu tiền lãi.

Tại đơn nộp Tòa án ngày 06/4/2026 và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị N Em rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Mỹ H phải trả cho bà số

tiền bà H mượn là 45.000.000 đồng. Đối với khoản tiền bà H nợ biếu là 99.000.000 đồng, bà sẽ khởi kiện sau khi có đủ tài liệu chứng cứ.

- Tại bản tự khai ngày 23/4/2026 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày: Bà H xác nhận có vay của bà Huỳnh Thị Nhung E số tiền tổng cộng là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay do bà H khó khăn, chưa có tiền để trả dứt điểm cho bà E, bà H xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

+ Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nhung E, buộc bà Lê Thị Mỹ H phải trả cho bà Huỳnh Thị Nhung E số tiền 45.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu buộc bà H phải trả cho bà N Em số tiền biếu 99.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

*** Về thủ tục tố tụng:**

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 45.000.000 đồng. Đối với khoản tiền biếu sẽ khởi kiện khi có đủ tài liệu chứng cứ. HĐXX xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.

*** Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị Nhung E yêu cầu bà Lê Thị Mỹ H phải trả dứt điểm cho bà số tiền 45.000.000 đồng. Bà H đồng ý trả nhưng do khó khăn xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy:

Do quen biết nhau nên bà Nhung E đã cho bà H mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 45.000.000 đồng. Ngày 20/4/2023 bà H có viết giấy nhận nợ.

Xét thấy Giấy mượn tiền bà H viết ngày 20/4 thể hiện giữa bị đơn và nguyên đơn có xác lập giao dịch vay tiền, các bên không thỏa thuận và lãi suất và thời hạn trả nợ, do đó xác định giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét thấy, bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 469, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng bà Lê Thị Mỹ H phải chịu.

- Xét thấy bà Huỳnh Thị Nhung E - sinh năm 1962, là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 469, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Huỳnh Thị Nhung E đối với bà Lê Thị Mỹ H.

Xử:

1. Buộc bà Lê Thị Mỹ H phải trả cho bà Huỳnh Thị Nhung E số tiền 45.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N Em buộc bà Lê Thị Mỹ H trả tiền biên hội 99.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng bà Lê Thị Mỹ H phải chịu.

4. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

- Bà Huỳnh Thị Nhung E được miễn nộp tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Hồng Loan

**HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:
THẨM

- Các đương sự ;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sau ngày 31/3/2025, các bên khụng cú thỏa thuận nào với nhau về việc tiếp tục sử dụng thẻ nhưng phía Ngân hàng tiếp tục tính các khoản lãi thẻ, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức theo Bản Điều khoản, điều kiện về phỏt hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng là khụng phự hợp. Bởi lẽ tại thời điểm 31/3/2025 các bên đó chấm dứt mọi phỏt sinh liờn quan đến Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đó ký kết và chuyển toàn bộ khoản nợ thành nợ quá hạn. Theo Bản sao kỳ tài khoản thẻ tín dụng Ngân hàng và Bảng theo dừi thẻ tín dụng khách hàng, xác định ngày 31/3/2025 bà Hồng cũn nợ Ngân hàng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với việc sử dụng thẻ tín dụng là 277.371.548 đồng.

3. Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Từ ngày 31/3/2025 đến ngày 24/4/2026 là 389 ngày, bà Hồng phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất đã thỏa thuận là 29%/năm là 43,5%/năm đối với số tiền chưa thanh toán là 198.047.111 đồng. Theo đó, bà Hồng phải chịu số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 31/3/2025 đến ngày 24/4/2026 đối với số tiền chưa thanh toán, cụ thể: $198.047.111 \text{ đồng} \times 389 \text{ ngày} \times 43,5\%/năm : 365 \text{ ngày} = 91.815.183 \text{ đồng}$.